

Phụ lục 1

Tổng hợp kết quả nuôi trồng thủy sản năm 2024, 9 tháng đầu năm 2025
và kế hoạch năm 2026 xã Sơn Thủy

(Kèm theo Công văn số /BC-UBND ngày /9/2025 của UBND xã Sơn Thủy)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	TH năm 2024	Năm 2025					KH 2026
				KH 2025	Ước TH 9 tháng đầu năm	Vụ 1	Vụ 2	Vụ đông	
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10
1	DIỆN TÍCH NUÔI CÁ NƯỚC NGỌT	ha							
1,1	Ao hồ nhỏ	ha	2,6	2,3	2,3	2,3			2,3
1,2	Hồ chứa	ha							
1,3	Nuôi lồng								
	- Số lượng lồng	Lồng							
	- Tổng thể tích	m ³							
2	SẢN LƯỢNG NUÔI CÁ NƯỚC NGỌT		6,9	8,7	8,7	8,7			8,7
2,1	Ao hồ nhỏ	Tấn	6,9	8,7	8,7	8,7			8,7
2,2	Hồ chứa	Tấn							
2,3	Nuôi lồng	Tấn							

in Thủy)

Ước TH 9 tháng đầu năm 2025 so với KH 2025 (%)
11=6/5
100
100

Phụ lục 2

Thống kê danh sách cơ sở nuôi trồng thủy sản; cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường NTTS năm 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của UBND xã Sơn Thủy)

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	SĐT	Diện tích ao/lồng (ha/m ³)	Diện tích lồng (m ³)	Loại thủy sản	Hình thức nuôi	
							Quảng canh	Bán thâm canh
I	CƠ SỞ NT	(địa chỉ nơi nuôi cần nêu rõ thôn, xã)		2,6	0,0		22	
1	Đinh Văn Hòa	Thôn Làng Trắng		0,45		Cá trắm cỏ, cá sóc, cá chép, cá rô phi	X	
2	Đinh văn Đòn	Thôn Làng Trắng		0,08		Cá trắm cỏ, cá chép, cá rô phi	X	
3	Đinh Văn Tháo	Thôn Làng Trắng		0,12		Cá trắm cỏ, cá sóc, cá chép, cá rô phi, cá mè	X	
4	Đinh Văn Trá	Thôn Làng Trắng		0,08		Cá trắm cỏ	X	
5	Đinh Văn Nâng	Thôn Làng Trắng		0,05		Cá trắm cỏ	X	
6	Đinh Văn Nghèo	Thôn Làng Trắng		0,06		Cua	X	
7	Đinh Văn Múa	Thôn Làng Trắng		0,10		Cá cá chép, cá rô phi, cá trê	X	
8	Đinh Văn Trầm	Thôn Gò Sim		0,07		Cá trắm cỏ	X	
9	Đinh Văn Cu	Thôn Gò Sim		0,05		Cá trắm cỏ	X	
10	Đinh Văn Lệnh	Thôn Gò Sim		0,05		Cá trắm cỏ	X	
11	Đinh Văn Thao	Thôn Tà Pía		0,05		Cá trắm cỏ	X	
12	Đinh Văn Đen	Thôn Tà Pía		0,06		Cá trắm cỏ	X	
13	Đinh Triên	Thôn Tà Pía		0,05		Cá trắm cỏ	X	
14	Đinh Xuân Nghị	Thôn Tà Pía		0,06		Cá trắm cỏ	X	
15	Đinh Văn Đài	Thôn Tà Pía		0,04		Cá trắm cỏ	X	
16	Đinh Văn Điều	Thôn Tà Pía		0,05		Cá trắm cỏ	X	
17	Đinh Văn Tôm	Thôn Tà Pía		0,04		Cá trắm cỏ	X	

18	Đinh Văn Sen	Thôn Làng Lành		0,02		Cá trắm cỏ	X	
19	Đinh Văn Lăng	Thôn Làng Lành		0,02		Cá trắm cỏ	X	
20	Đinh Văn Hải	Thôn Gò Sim		0,04		Cá trắm cỏ	X	
21	Phạm Xuân Thuỷ	Thôn Gia Ry		0,01		Cá rô phi , cá gáy, cá chép hồng, cá trắm cỏ, cá trê	X	
23	Nguyễn Văn Long	Thôn Gia Ry		0,02		Cá rô phi , cá gáy, cá chép hồng, cá trắm cỏ, cá trê	X	
24	Đinh Văn Viên	Thôn Gia Ry		0,01		Cá rô phi , cá gáy, cá chép hồng, cá trắm cỏ, cá trê	X	
25	Đinh Văn Vẽ	Thôn Gia Ry		0,01		Cá rô phi , cá gáy, cá chép hồng, cá trắm cỏ, cá trê	X	
26	Đinh Văn Sở	Thôn Gia Ry		0,02		Cá rô phi , cá gáy, cá chép hồng, cá trắm cỏ, cá trê	X	
27	Đinh Văn Mạnh	Thôn Gia Ry		0,02		Cá rô phi , cá gáy, cá chép hồng, cá trắm cỏ, cá trê	X	
28	Đinh Văn Nâng	Thôn Gia Ry		0,03		Cá rô phi , cá gáy, cá chép hồng, cá trắm cỏ, cá trê	X	
30	Đinh Văn Hiền	Thôn Gia Ry		0,02		Cá rô phi , cá gáy, cá chép hồng, cá trắm cỏ, cá trê	X	
31	Đinh Văn Khương	Thôn Gia Ry		0,02		Cá rô phi , cá gáy, cá chép hồng, cá trắm cỏ, cá trê	X	
32	Đinh Văn Thế	Thôn Gia Ry		0,02		Cá rô phi , cá gáy, cá chép hồng, cá trắm cỏ, cá trê	X	
33	Đinh Văn Lia	Thôn Làng Nà		0,004		Cá trắm cỏ, cá sóc, cá chép, cá rô phi	X	
34	Đinh Văn Trêu	Thôn Làng Nà		0,01		Cá trắm cỏ, cá sóc, cá chép, cá rô phi	X	
35	Đinh Văn Say	Thôn Làng Rào		0,03		Cá chép	X	
36	Đinh Văn Nghiệp	Thôn Làng Rào		0,05		cá trắm cỏ, cá chép, cá trê	X	
37	Đinh Văn Bử	Thôn Làng Rào		0,08		Cá trắm cỏ, cá rô	X	
38	Đinh Văn Tùng	Thôn Làng Rào		0,08		Cá chép, cá rô	X	
39	Đinh Văn Trúc	Thôn Làng Rào		0,02		cá trắm cỏ, cá trê	X	

40	Đinh Văn Trao	Thôn Làng Rào		0,02		Cá trắm cỏ, cá rô	X	
41	Đinh Văn Kà Rếp	Thôn Làng Rào		0,02		Cá chép, cá rô	X	
42	Đinh Văn Tấn	Thôn Làng Rào		0,09		Cá trắm cỏ, cá chép, cá rô, cá trê	X	
43	Đinh Văn Thê	Thôn Làng Rào		0,10		Cá chép, cá rô, cá trê	X	
44	Đinh Thị Phe	Thôn Làng Rào		0,05		Cá chép, trắm cỏ, cá trê	X	
45	Đinh Văn Bơ	Thôn Làng Rào		0,02		Cá chép, cá rô	X	
46	Đinh Văn Cây	Thôn Làng Rào		0,01		Cá chép, cá rô	X	
47	Đinh Văn Tách	Thôn Làng Rào		0,03		Cá chép, cá rô, cá trê	X	
48	Đinh Văn Dương	Thôn Làng Rào		0,02		Cá chép, trắm cỏ, cá trê	X	
49	Đinh Văn Veo	Thôn Làng Rìn		0,05		Cá chép, cá rô phi	X	
50	Đinh Văn Đê	Thôn Làng Rìn		0,02		Cá trê, cá trắm cỏ	X	
51	Đinh Hồng Phia	Thôn Làng Rìn		0,01		Cá rô phi, cá chép	X	
52	Đinh Văn Thay	Thôn Làng Rìn		0,01		Cá trê	X	
53	Đinh Văn Biểu	Thôn Làng Rìn		0,03		Cá chép, cá chim	X	
54	Đinh Văn Hạnh	Thôn Tà Cơm		0,05		Cá tằm cỏ, cá trê	X	
55	Đinh Văn Sít	Thôn Tà Cơm		0,05		Cá tằm cỏ, cá trê	X	
56	Đinh Thị Nu	Thôn Tà Cơm		0,04		Cá tằm cỏ, cá trê	X	
57	Đinh Văn Bích	Thôn Tà Cơm		0,01		Cá trắm cỏ	X	
58	Đinh Văn Roát	Thôn Tà Cơm		0,01		Cá chép	X	
59	Đinh Quang Xá	Thôn Tà Cơm		0,005		Cá chép, cá rô phi	X	
60	Đinh Văn Trề	Thôn Tà Cơm		0,01		Cá trê	X	
61	Đinh Văn Xê	Thôn Tà Bần		0,01		Cá trắm cỏ	X	
62	Đinh Văn Hoát	Thôn Tà Bần		0,01		Cá rô phi	X	
63	Đinh Văn Thường	Thôn Tà Bần		0,01		Cá trắm cỏ	X	
II	CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG THỦY SẢN			0		0		

III	CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỨC ĂN, SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG NTTS			0		0		
-----	---	--	--	---	--	---	--	--

[illegible]

[illegible]

tà mào

tà bản

tà bi

[illegible]

